

Giải pháp hoàn thiện và phát triển nghiệp vụ thị trường mở

LÊ HÙNG

Tiếp tục đổi mới hoạt động theo xu hướng hội nhập, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển từ điều hành các công cụ trực tiếp sang sử dụng các công cụ gián tiếp điều hành chính sách tiền tệ, giảm sự can thiệp trực tiếp vào hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại. Từ tháng 7-2005, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chính thức đưa nghiệp vụ thị trường mở (OMO) là bước chuyển đặc biệt theo hướng nói trên.

I. VÀI NÉT VỀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Nghiệp vụ thị trường mở là hoạt động mua bán giấy tờ có giá còn thời hạn ngắn, hoặc mua bán ngắn hạn giấy tờ có giá (GTCC) giữa Ngân hàng Trung ương và các ngân hàng thương mại (NHTM), tổ chức tín dụng (TCTD) và tổ chức khác, thông qua đó can thiệp vào vốn khả dụng, vốn dự trữ của các tổ chức đó và tác động vào lãi suất trên thị trường tiền tệ.

1. Về doanh số giao dịch OMO

Nếu như trong 2 năm: 2000 - 2001, doanh số giao dịch OMO còn hết sức khiêm tốn, thì từ năm 2002 - 2004, doanh số giao dịch OMO tăng hàng năm trên 200% và năm 2004 bằng 2,92 lần năm 2003 và 16 lần năm 2001.

Doanh số giao dịch tăng nhanh bởi các phiên giao dịch OMO đã được tổ chức thường xuyên hơn, và doanh số giao dịch từng phiên tăng lên. Năm 2005, doanh số giao dịch bằng 165,5% so với năm 2004. Trong 3 tháng đầu năm 2006, doanh số giao dịch OMO tiếp tục đạt khá, ước tính đạt trên 30.000 tỷ đồng. Tính tổng cộng trong hơn 5 năm qua, đến hết tháng 3-2006, tổng doanh số giao dịch OMO đạt hơn 240.000 tỷ đồng.

2. Về phương thức đấu thầu và xét thầu

Về phương thức giao dịch trên thị trường mở, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chủ yếu sử dụng phương thức đấu thầu lãi suất và phương thức xét thầu riêng lẻ. Phương thức đấu thầu lãi suất đã được NHNN sử dụng trong 86,2% số phiên giao dịch trong 5 năm qua và tới 100% số phiên trong 2 năm gần đây. Điều này xuất phát từ lý do NHNN đang điều hành chính sách tiền tệ (CS TT) theo khối lượng tiền tăng thêm nên nhu cầu giao dịch GTCC của NHNN thường được xác định trước. Ngoài ra, NHNN cũng sử dụng phương thức xét thầu riêng lẻ trong 65,3% số phiên giao dịch. Trong nửa cuối năm 2005, NHNN hầu như chỉ áp dụng phương thức xét thầu thống nhất trong các phiên giao dịch OMO.

BẢNG 1: Phương thức đấu thầu, xét thầu trên thị trường mở

Năm	Tổng số	Phương thức đấu thầu		Phương thức xét thầu	
		Lãi suất	Khối lượng	Riêng lẻ	Thống nhất
2000*	17	13	4	14	3
2001	48	14	34	12	36
2002	85	68	17	67	18
2003	107	88	19	86	21
2004	123	123	0	83	40
2005	158	158	0	84	74
Tổng số	538	464	74	346	192

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (*) từ 12-7 đến 31-12-2000

Lê Hùng, Đại học Ngân hàng TP.HCM.

Trong quý I-2006, NHNN tiếp tục duy trì tần suất 3 phiên giao dịch/tuần, kết quả là đã có 38 phiên NHNN mua có kỳ hạn.

3. Lãi suất trúng thầu trong phương thức đấu thầu lãi suất

Trước mỗi phiên đấu thầu, Ban điều hành OMO dự kiến khối lượng GTCG cần giao dịch. Khối lượng giao dịch có thể được NHNN thông báo hoặc không thông báo trước. Đồng thời, căn cứ vào dự báo tình hình vốn khả dụng, NHNN cũng xác định một lãi suất chỉ đạo làm điểm dừng khi giao dịch. Lãi suất này không thông báo cho các thành viên thị trường khác. Trường hợp NHNN mua GTCG, lãi suất chỉ đạo sẽ là lãi suất mua thấp nhất của NHNN và ngược lại. Mục đích của NHNN khi đưa ra lãi suất chỉ đạo là để định hướng lãi suất trên thị trường tiền tệ.

Tuy thời gian triển khai không còn ngắn nhưng công cụ OMO vẫn đang còn là một nghiệp vụ mới đối với một số các TCTD, nhất là các NHTMCP. Việc tham gia thị trường mở vẫn còn nhiều ngỡ ngàng, hạn chế. Các NHTMCP tham gia không thường xuyên và không nhiều. Điều này xuất phát từ nguyên nhân các NHTMCP chưa nhận thức được đầy đủ các ưu điểm của công cụ này. Bên cạnh đó, vấn đề tâm lý khi giao dịch với NHNN vẫn chưa thể khắc phục trong thời gian ngắn.

Hiện nay, NHNN chỉ thực hiện thống nhất một loại kỳ hạn giao dịch trong một phiên đấu thầu. Điều này đã hạn chế sự lựa chọn về kỳ hạn của các thành viên thị trường, mặc dù nhu cầu về khối lượng và thời gian của các thành viên là khác nhau. Bên cạnh đó, NHNN chỉ thực hiện giao dịch theo một chiều nhất định (mua hoặc bán GTCG) trong một phiên và chủ yếu thực hiện việc mua GTCG, nên các TCTD cũng không thể tham gia nếu không phù hợp với nhu cầu vốn của họ. Điều này đã được chứng minh trong thực tế khi tại nhiều phiên giao dịch không có thành viên nào tham gia.

Tốc độ và chất lượng đường truyền kết nối qua mạng giữa NHNN và các thành viên còn chậm và đôi lúc bị ngắt quãng, nhất là khi nhiều thành viên đồng thời giao dịch với NHNN.

Các ngân hàng khi muốn lưu ký GTCG để tham gia các giao dịch với NHNN đều phải đến trực tiếp Sở Giao dịch NHNN để hoàn thành các thủ tục. NHNN chưa cho phép đăng ký lưu ký GTCG thông qua trong Web của NHNN để giảm thiểu thủ tục giấy tờ và việc nhập liệu thủ công của Sở Giao dịch NHNN.

II. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

1. Hoàn thiện và phát triển thị trường tiền tệ và thị trường trái phiếu chính phủ

Nếu thị trường tài chính không đủ lớn, không có sự cạnh tranh cao thì các nghiệp vụ mua bán GTCG không thông qua đấu thầu không thể áp dụng được. Phát triển 2 thị trường này, có thể nói là điều kiện quan trọng để có được một cơ chế chuyển tải CSTT nhạy cảm với cơ chế điều hành qua giá cả và nâng cao hiệu quả điều hành các công cụ CSTT.

Để phát triển các thị trường tiền tệ, NHNN cần thực hiện:

- Tập trung xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế cho các thị trường tiền tệ theo hướng mở rộng khả năng phát hành các công cụ có khả năng thanh toán và các công cụ mới của các NHTM và nâng cao khả năng kiểm soát và điều tiết thị trường của NHNN.

- Xây dựng thị trường mua bán lại GTCG nhằm tăng cường tính thanh khoản của các GTCG và khả năng thanh toán của NHTM.

- Bổ quy định việc trả lãi phần vượt dự trữ bắt buộc, đồng thời trả lãi cho tiền gửi dự trữ bắt buộc nhằm khuyến khích các NHTM tham gia tích cực thị trường tiền tệ không để dự trữ vượt quá nhiều.

Nghiên cứu để hoàn thiện các công cụ bảo có và áp dụng công cụ mới cho thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, nhất là các công cụ phòng chống rủi ro về tỷ giá.

- Hiện nay, tại Việt Nam chưa hình thành được các lãi suất chuẩn trên thị trường. Chính vì vậy, việc mua bán các GTCG chưa hoàn toàn theo giá thị trường. Lãi suất của trái phiếu chính phủ hiện nay còn cạnh tranh với lãi suất huy động của các ngân hàng làm ảnh hưởng đến lãi suất trên thị trường tiền tệ.

Để hình thành được các lãi suất chuẩn thì thị trường tiền tệ và thị trường trái phiếu cần được phát triển. Để phát triển thị trường tiền tệ, trước hết cần: (i) Tăng cường việc phát hành GTCG của Chính phủ qua kênh TCTD và giảm thiểu việc phát hành qua kênh bán lẻ trực tiếp cho dân chúng; (ii) Việc phát hành cần thực hiện qua kênh đấu thầu qua NHNN. Đối tượng mua chỉ là các định chế tài chính. Thị trường chứng khoán chỉ là nơi mua bán lại trái phiếu chính phủ, không nên là nơi phát hành lần đầu. Khi đó, hệ thống ngân hàng và thị trường chứng khoán sẽ đảm nhận việc huy động vốn từ khu vực dân cư.

2. Tăng cường khả năng dự đoán cung cầu vốn khả dụng trong hệ thống ngân hàng

Để điều hành CSTT hiệu quả, một yêu cầu đặt ra là NHNN phải thực hiện quản lý nguồn vốn khả dụng của các ngân hàng. Tức là phải xác định mức độ dự trữ đối với tiền dự trữ của các NHTM, dự báo mức dự trữ thực tế trong từng thời kỳ trên cơ sở tổng hợp, phân tích các số liệu liên quan ảnh hưởng đến tiền dự trữ của các NHTM tại NHNN. Trên cơ sở đó xác định mức độ, thời gian tác động của các công cụ CSTT, nhất là các công cụ tái cấp vốn, OMO, vào vốn khả dụng của các NHTM, nhằm điều tiết thị trường vốn một cách linh hoạt hơn, nhạy bén hơn, đảm bảo các mục tiêu đề ra.

Để quản lý vốn khả dụng, yêu cầu đặt ra đối với NHNN và các NHTM là:

(1) *Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến vốn khả dụng của NHTM, như:*

- Cân đối tiền mặt trong hệ thống NHTM.
- Dự trữ bắt buộc duy trì và quỹ dự trữ của NHTM.

- Tình hình thu chi ngân sách nhà nước (thông qua số dư tiền gửi của hệ thống kho bạc tại NHTM).

- Hoạt động can thiệp đồng bản tệ trong ngày thông qua việc cung ứng tiền của NHNN.

- Dự báo tính thời vụ của tín dụng.

- Nhu cầu giải ngân, thanh toán của NHTM trong ngày và trong những ngày tới.

(2) *Thiết lập cơ sở dữ liệu lịch sử và hiện tại để phân tích mức độ ảnh hưởng và xu thế biến động của từng yếu tố và tổng mức vốn khả dụng.*

- Tính toán và dự báo khả năng thanh toán thừa hay thiếu, để làm cơ sở quyết định việc bơm tiền ra hay rút tiền khỏi lưu thông.

- Sử dụng các kỹ thuật dự báo để dự báo mức tiền dự trữ cho kỳ kế hoạch, dự trữ hàng ngày.

3. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa NHNN và các bộ ngành liên quan trong điều hành chính sách tiền tệ

Hiện nay, NHNN chỉ có một thành viên trong Hội đồng tư vấn CSTT quốc gia. Vì vậy, NHNN không thể chủ động và độc lập trong việc xây dựng và điều hành CSTT. Do đó, cần có một cơ chế phối hợp hành động giữa các bộ, ngành và NHNN trong điều hành CSTT nhằm hạn chế những tác động ngược chiều của các chính sách kinh tế vĩ mô, qua đó nâng cao hiệu quả điều hành CSTT. Để thực hiện điều đó, NHNN cần:

- Đảm bảo sự phối hợp, thống nhất về mục tiêu từng chính sách kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

- Xây dựng cơ chế phối hợp cung cấp thông tin giữa các bộ, ngành (Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Bộ Thương mại...) và NHNN để đảm bảo

NHNN có thể dự báo được vốn khả dụng và kiểm soát được toàn bộ lượng tiền cung ứng trong nền kinh tế, cụ thể:

+ Thiết lập một kênh thông tin kết nối giữa các bộ, ngành với hệ cơ sở dữ liệu trung tâm của NHNN. Riêng NHNN với Bộ Tài chính cần tạo dựng mối quan hệ thường xuyên và mật thiết hơn trong việc trao đổi thông tin, tạo sự phối hợp đồng bộ giữa điều hành CSTT với điều hành chính sách tài khoá;

+ Quy định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc phối kết hợp cung cấp thông tin;

+ Thống nhất với Tổng cục Thống kê về việc tính toán lạm phát cơ bản.

4. Hoàn thiện công tác thanh toán trong hệ thống ngân hàng

Mặc dù hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng đã được NHNN đưa vào sử dụng từ năm 2003, nhưng đến nay nhiều giao dịch thanh toán giữa các TCTD vẫn chưa được thực hiện qua hệ thống này. Lý do xuất phát từ việc thực hiện thanh toán phân tán giữa các TCTD tại các địa phương và hệ thống thanh toán của nhiều TCTD còn chưa kết nối được với hệ thống thanh toán điện tử của NHNN.

Để tăng cường khả năng quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn của các TCTD, công tác thanh toán trong hệ thống ngân hàng cần nhanh chóng được hoàn thiện. Các TCTD cũng cần hiện đại hóa hệ thống thanh toán của mình, tiến tới thực hiện quản lý nguồn vốn tập trung tại hội sở chính và chỉ thực hiện giao dịch giữa các TCTD với nhau thông qua hệ thống thanh toán của NHNN.

Bên cạnh đó, NHNN cần phải đẩy mạnh tiến độ và mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. NHNN cần mở rộng phạm vi thanh toán đối với các luồng thanh toán giá trị thấp của TCTD và hạn chế việc thực hiện thanh toán bù trừ tại chi nhánh NHNN ở các địa phương.

5. Nâng cao năng lực điều hành các công cụ CSTT của NHNN

Để nâng cao được năng lực điều hành các công cụ CSTT, trước hết cần đánh giá và xem xét lại cơ chế điều hành của từng công cụ CSTT và đề ra phương án cải tiến, hoàn thiện, đồng thời nghiên cứu đưa thêm công cụ mới vào hoạt động. NHNN cần hoàn thiện các công cụ CSTT như sau:

- Hoàn thiện các công cụ tái cấp vốn theo hướng trở thành công cụ quan trọng của NHNN khi muốn bổ sung vốn cho hệ thống ngân hàng. NHNN xây dựng lộ trình và từng bước từ bỏ hình thức chiết khấu GTCG đối với các ngân hàng và hình thức cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ; bổ sung hình thức cho vay qua đêm là một hình thức tái cấp vốn của NHNN;

- Bổ sung hình thức nhận tiền gửi ngắn hạn (thường là qua đêm) của các NHTM tại NHNN là một công cụ CSTT của NHNN. Lãi suất tiền gửi có tính định hướng như lãi suất sàn trên thị trường liên ngân hàng, các NHTM sẽ gửi tại NHNN khi không thể đầu tư dưới hình thức nào khác.

- Hoàn thiện công cụ dự trữ bắt buộc nhằm nâng cao khả năng kiểm soát tiền tệ của NHNN và tạo điều kiện cho các NHTM sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả hơn. Theo đó NHNN không trả lãi đối với tiền gửi dự trữ vượt mức và trả lãi tiền dự trữ bắt buộc, mở rộng diện tiền gửi phải dự trữ bắt buộc. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc cần được điều chỉnh linh hoạt, phối hợp đồng bộ với việc điều chỉnh các công cụ khác của CSTT.

6. Các giải pháp khác

6.1. Tăng tần suất giao dịch trên thị trường mở, tiến tới giao dịch 02 phiên/ngày.

Trước mắt, trong năm 2006, NHNN có thể định kỳ tổ chức 01 phiên/ngày vào lúc 11 giờ sáng, tức là 5 phiên/tuần, tăng thêm 2 phiên/tuần so với hiện nay.

6.2. Đa dạng hóa thời hạn và tăng khối lượng phát hành của tín phiếu NHNN.

Việc đa dạng hóa các kỳ hạn phát hành của GTCG giúp cho các thành viên có thêm sự lựa chọn để đầu tư và giao dịch, đồng thời giúp cho NHNN có thêm loại hàng hóa với khối lượng lớn để can thiệp thị trường khi cần thiết.

6.3. Bổ sung thêm hàng hóa giao dịch trên thị trường mở

NHNN cần tiếp tục đề nghị Bộ Tài chính tăng cường phát hành các tín phiếu kho bạc với thời hạn ngắn như 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng... Bên cạnh các loại GTCG do Bộ Tài chính phát hành thì NHNN có thể chấp thuận các loại GTCG khác như: trái phiếu của Quỹ Hỗ trợ phát triển, trái phiếu của các NHTMNN, trái phiếu đô thị của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố lớn, trái phiếu của các tổng công ty...

6.4. Đa dạng hóa các kỳ hạn giao dịch và tiến tới giao dịch nhiều kỳ hạn trong một phiên

NHNN cần tiến tới áp dụng giao dịch mua bán kỳ hạn qua đêm tối với OMO. NHNN sẽ định hướng đưa ra giao dịch repo kỳ hạn qua đêm để thúc đẩy thị trường hoạt động linh hoạt và kịp thời.

6.5. Hoàn thiện các quy định lưu ký giấy tờ có giá tại NHNN

NHNN cần tiến tới việc quản lý lưu ký GTCG trong hệ thống NHNN tập trung về Hội sở chính của NHNN. Việc quản lý lưu ký GTCG của NHNN hiện nay đang thực hiện phân tán tại Sở Giao dịch NHNN và các chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố.

6.6. Cải tiến, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng công nghệ của thị trường tiền tệ

Kết nối với hệ thống lưu ký GTCG, hệ thống kế toán, thanh toán để thống nhất quản lý GTCG từ khi phát hành, luân chuyển giữa các TCTD, thanh quyết toán và sử dụng trong các giao dịch trên thị trường tiền tệ, thị trường liên ngân hàng và thị trường chứng khoán.

6.7. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, thông tin rộng rãi về OMO để

thu hút thêm các TCTD tham gia thị trường mở

NHNN cần tăng cường biện pháp trao đổi thông tin giữa NHNN và các thành viên thị trường để kịp thời nắm bắt diễn biến thị trường làm cơ sở cho việc thực hiện OMO nói riêng và điều hành CSTT nói chung.

6.8. Nâng cao năng lực cán bộ xây dựng và điều hành nghiệp vụ thị trường mở

NHNN và các ngân hàng cần phải thường xuyên đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý ngân hàng, cán bộ nghiệp vụ. Chương trình đào tạo cần phải được chuẩn hóa và phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển của hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đào tạo lý thuyết cơ bản thì cũng cần tiến hành các khoá học ở trong nước và nước ngoài.

6.9. Mở rộng các thành viên thị trường mở

NHNN cần nghiên cứu mở rộng các thành viên thị trường. Theo đó, các tổ chức như Quỹ hỗ trợ phát triển, Kho bạc Nhà nước, Quỹ bảo hiểm xã hội, Công ty tiết kiệm bưu điện... sẽ được chấp thuận là thành viên của thị trường mở.

6.10. Công nhận chữ ký điện tử trong các giao dịch thị trường mở

NHNN cần bổ sung quy định về việc sử dụng chữ ký điện tử trong các giao dịch tiền tệ với NHNN và chấp nhận hoàn toàn chữ ký điện tử trong các giao dịch thị trường mở. Các TCTD cần thông báo và đăng ký các chữ ký của những người chịu trách nhiệm thực hiện các giao dịch thị trường mở với NHNN.

III. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện được các giải pháp trên, nhằm hoàn thiện công cụ OMO và tiến tới hoàn thiện cơ chế điều hành CSTT, tác giả kiến nghị Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan bộ, ngành một số vấn đề sau:

1. Đối với Quốc hội

Để triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm hoàn thiện công cụ OMO của NHNN thì việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động ngân hàng là hết

súc cần thiết. Để thực hiện điều đó, NHNN kiến nghị Quốc hội như sau:

- Chỉ đạo Chính phủ xây dựng và hoàn thiện cơ chế pháp lý liên quan đến các hoạt động ngân hàng;

- Tiếp tục sửa đổi hoặc thay thế các luật hiện hành về hoạt động ngân hàng như Luật NHNN và Luật các TCTD. Mặc dù 2 luật này đã được sửa đổi trong năm 2003 và 2004 nhưng vẫn chưa giải quyết được các vấn đề bất cập hiện nay.

2. Đối với Chính phủ và các bộ, ngành

NHNN là người chủ trì xây dựng CSTT quốc gia để Chính phủ xem xét, trình Quốc hội phê duyệt và quyết định. NHNN đồng thời cũng là người tổ chức thực hiện khi CSTT đã được phê chuẩn. Việc thực hiện CSTT sẽ kém khả thi và CSTT không đạt hiệu quả cao nếu không có sự phối hợp đồng bộ từ các bộ, ngành khác. Sự phối hợp này thể hiện ở chỗ cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin cần thiết cho NHNN.

2.1. Đối với Chính phủ:

- Đề nghị Chính phủ trình Quốc hội tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa một số quy định của Luật NHNN, cụ thể:

+ Bỏ mục 12, Điều 9 của Luật NHNN vì hiện nay NHNN thực hiện cơ chế lãi suất cho vay thoả thuận nên không cần thiết đặt ra lãi suất cơ bản là lãi suất cơ sở cho các TCTD ấn định lãi suất cho vay, mà NHNN có thể dùng hành lang lãi suất tiền gửi qua đêm và lãi suất tái cấp vốn để điều hành lãi suất thị trường tiền tệ.

+ Sửa Điều 18 của Luật NHNN theo hướng bãi bỏ quy định NHNN phải công bố lãi suất cơ bản. NHNN chỉ công bố lãi suất tiền gửi qua đêm, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất trên thị trường mở để thực hiện CSTT.

- Chính phủ cần đôn đốc, chỉ đạo các bộ, ngành triển khai thực hiện cơ chế phối hợp thông tin với NHNN để NHNN có đủ căn cứ làm cơ sở xây dựng và điều hành CSTT.

- Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan soạn thảo và hoàn thiện các đề án luật làm cơ sở pháp lý cho hoạt động ngân hàng.

2.2. Đối với Bộ Tài chính:

- Cung cấp các thông tin về thu chi ngân sách, nguồn bù đắp thiếu hụt ngân sách; kế hoạch vay và trả nợ của Chính phủ; tình hình cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Các thông tin này là cần thiết để NHNN dự báo các diễn biến tiền tệ và vốn khả dụng của các NHTM.

- Thực hiện nghiêm túc các cam kết về khoản tạm ứng từ NHNN; việc xác định số lượng phát hành tín phiếu kho bạc bán lẻ để không ảnh hưởng tới quá trình điều hành CSTT của NHNN.

- Cung cấp thông tin về sự biến động giá cả thị trường để NHNN có cơ sở đưa ra mục tiêu kiểm soát lạm phát.

2.3. Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Cung cấp các thông tin chiến lược phát triển kinh tế xã hội của cả nước và các cân đối chủ yếu của nền kinh tế. Các thông tin này là cơ sở cho NHNN dự báo nhu cầu về tín dụng, tiền tệ của nền kinh tế.

2.4. Đối với Bộ Thương mại:

Cung cấp các thông tin về chính sách thương mại, tình hình xuất nhập khẩu... để phân tích cán cân thanh toán quốc tế, qua đó dự báo sự biến động của tỷ giá, tài sản có ngoại tệ.

2.5. Đối với Tổng cục Thống kê:

- Cung cấp các số liệu tổng hợp về các chỉ tiêu kinh tế xã hội của cả nước có liên quan đến việc hoạch định và thực thi CSTT, kịp thời thông báo các chỉ tiêu kinh tế trong từng thời kỳ để NHNN nắm được diễn biến tình hình, kịp thời điều chỉnh khi cần thiết.

- Thống nhất với NHNN trong việc tính toán lạm phát cơ bản.

Căn cứ vào mục tiêu CSTT đến năm 2010, định hướng hoàn thiện các công cụ CSTT và OMO, tác giả đã đề xuất một số nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện công cụ OMO và phát triển các điều kiện thị trường khác để tăng cường hiệu quả của công cụ này.

Bên cạnh đó, tác giả cũng kiến nghị Quốc Hội, Chính phủ và một số bộ, ngành thực hiện một số biện pháp để tạo điều kiện triển khai có hiệu quả các giải pháp nêu trên./

súc cần thiết. Để thực hiện điều đó, NHNN kiến nghị Quốc hội như sau:

- Chỉ đạo Chính phủ xây dựng và hoàn thiện cơ chế pháp lý liên quan đến các hoạt động ngân hàng;

- Tiếp tục sửa đổi hoặc thay thế các luật hiện hành về hoạt động ngân hàng như Luật NHNN và Luật các TCTD. Mặc dù 2 luật này đã được sửa đổi trong năm 2003 và 2004 nhưng vẫn chưa giải quyết được các vấn đề bất cập hiện nay.

2. Đối với Chính phủ và các bộ, ngành

NHNN là người chủ trì xây dựng CSTT quốc gia để Chính phủ xem xét, trình Quốc hội phê duyệt và quyết định. NHNN đồng thời cũng là người tổ chức thực hiện khi CSTT đã được phê chuẩn. Việc thực hiện CSTT sẽ kém khả thi và CSTT không đạt hiệu quả cao nếu không có sự phối hợp đồng bộ từ các bộ, ngành khác. Sự phối hợp này thể hiện ở chỗ cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin cần thiết cho NHNN.

2.1. Đối với Chính phủ:

- Đề nghị Chính phủ trình Quốc hội tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa một số quy định của Luật NHNN, cụ thể:

+ Bỏ mục 12, Điều 9 của Luật NHNN vì hiện nay NHNN thực hiện cơ chế lãi suất cho vay thoả thuận nên không cần thiết đặt ra lãi suất cơ bản là lãi suất cơ sở cho các TCTD ấn định lãi suất cho vay, mà NHNN có thể dùng hành lang lãi suất tiền gửi qua đêm và lãi suất tái cấp vốn để điều hành lãi suất thị trường tiền tệ.

+ Sửa Điều 18 của Luật NHNN theo hướng bãi bỏ quy định NHNN phải công bố lãi suất cơ bản. NHNN chỉ công bố lãi suất tiền gửi qua đêm, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất trên thị trường mở để thực hiện CSTT.

- Chính phủ cần đôn đốc, chỉ đạo các bộ, ngành triển khai thực hiện cơ chế phối hợp thông tin với NHNN để NHNN có đủ căn cứ làm cơ sở xây dựng và điều hành CSTT.

- Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan soạn thảo và hoàn thiện các đề án luật làm cơ sở pháp lý cho hoạt động ngân hàng.

2.2. Đối với Bộ Tài chính:

- Cung cấp các thông tin về thu chi ngân sách, nguồn bù đắp thiếu hụt ngân sách; kế hoạch vay và trả nợ của Chính phủ; tình hình cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Các thông tin này là cần thiết để NHNN dự báo các diễn biến tiền tệ và vốn khả dụng của các NHTM.

- Thực hiện nghiêm túc các cam kết về khoản tạm ứng từ NHNN; việc xác định số lượng phát hành tín phiếu kho bạc bán lẻ để không ảnh hưởng tới quá trình điều hành CSTT của NHNN.

- Cung cấp thông tin về sự biến động giá cả thị trường để NHNN có cơ sở đưa ra mục tiêu kiểm soát lạm phát.

2.3. Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Cung cấp các thông tin chiến lược phát triển kinh tế xã hội của cả nước và các cân đối chủ yếu của nền kinh tế. Các thông tin này là cơ sở cho NHNN dự báo nhu cầu về tín dụng, tiền tệ của nền kinh tế.

2.4. Đối với Bộ Thương mại:

Cung cấp các thông tin về chính sách thương mại, tình hình xuất nhập khẩu... để phân tích cán cân thanh toán quốc tế, qua đó dự báo sự biến động của tỷ giá, tài sản có ngoại tệ.

2.5. Đối với Tổng cục Thống kê:

- Cung cấp các số liệu tổng hợp về các chỉ tiêu kinh tế xã hội của cả nước có liên quan đến việc hoạch định và thực thi CSTT, kịp thời thông báo các chỉ tiêu kinh tế trong từng thời kỳ để NHNN nắm được diễn biến tình hình, kịp thời điều chỉnh khi cần thiết.

- Thống nhất với NHNN trong việc tính toán lạm phát cơ bản.

Căn cứ vào mục tiêu CSTT đến năm 2010, định hướng hoàn thiện các công cụ CSTT và OMO, tác giả đã đề xuất một số nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện công cụ OMO và phát triển các điều kiện thị trường khác để tăng cường hiệu quả của công cụ này.

Bên cạnh đó, tác giả cũng kiến nghị Quốc Hội, Chính phủ và một số bộ, ngành thực hiện một số biện pháp để tạo điều kiện triển khai có hiệu quả các giải pháp nêu trên./